

BÀI THUYẾT PHÁP ĐẦU TIÊN CỦA ĐỨC PHẬT

NGUỒN GỐC PHẬT PHÁP

TẮT NIÊN NĂM ẤT SỬU 1985

Hôm nay nhân ngày cuối năm, chúng tôi nhắc lại bài thuyết pháp đầu tiên của đức Phật để quý vị nắm vững đầu mối của sự tu hành, và đi đúng con đường đức Phật đã vạch sẵn cho chúng ta.

Là con người, tất cả chúng ta đều yêu thương, quý trọng, gìn giữ bản thân và lo âu sợ hãi, khổ đau vì bản thân của chúng ta. Chủ yếu của sự tu hành là phải biết bản thân chúng ta như thế nào? Thường chúng ta hướng bên ngoài, nói chung là chúng ta chạy theo ngũ dục lục trần mà không tự biết mình, cả đời tạo nghiệp khổ mà không hay biết! Thế nên trong bài thuyết pháp đầu tiên cho năm anh em ông Kiều-trần-như, đức Phật đi thẳng vào vấn đề, ngài thuyết pháp Tứ đế.

Đức Phật chỉ thẳng con người thật của chúng ta, con người đó thật sự là đau khổ hay là an vui? Nó là an vui mà mình quý trọng thương yêu, gìn giữ, hay nó là đau khổ mà mình quý trọng, thương yêu, gìn giữ? Nếu không hiểu con người thật của chúng ta, mà tìm hiểu những việc bên ngoài, đó là bỏ cội gốc mà theo ngọn ngành. Nếu chúng ta đem hết tâm tư và khả năng tìm hiểu những việc ngoài chúng ta, mà không tìm hiểu con người thật của chúng ta, đó chưa phải là căn bản. Cũng như đứng trước một căn nhà, muốn tìm hiểu căn nhà ấy, trước tiên chúng ta phải hiểu ông chủ nhà, ông chủ nhà hiểu rồi, chúng ta tìm hiểu căn nhà không khó, con người là chủ còn sự vật chung quanh chỉ là bạn, là phụ thôi. Danh từ chuyên môn nhà Phật gọi con người là chánh báo, ngoại cảnh là y báo. Chánh báo tốt, y báo theo đó mà tốt, chánh báo xấu, y báo theo đó mà xấu. Vì vậy chánh báo là chủ, y báo là bạn, là phụ. Thế mà chúng ta tìm hiểu y báo mà không hiểu rõ chánh báo, đó là một khuyết điểm lớn lao.

Khi dạy chúng ta tu hành, việc đầu tiên đức Phật bắt buộc chúng ta phải xác định thân này là khổ hay vui? Thấy thật rõ điều đó, chúng ta mới nhận đúng tất cả vấn đề. Mọi sự mọi vật đều phải qua cách nhìn và cách phán đoán của chúng ta, nếu chúng ta không tự biết mình mà nói biết sự vật chung quanh đúng lẽ thật, điều đó không bao giờ có! Vì vậy phải biết mình đúng như thật, rồi mới biết người, biết ngoại cảnh đúng như thật. Nếu mình biết mình một cách sai lầm, với người với ngoại cảnh mình cũng biết sai lầm. Cho nên chủ yếu của đạo Phật là phải biết mình.

Bài thuyết pháp đầu tiên của đức Phật là pháp Tứ đế. Thứ nhất đức Phật nói về Khổ đế.

Chúng ta làm tường khổ đế là cái gì xa lạ bên ngoài, sự thật khổ đế xác nhận sự khổ ngay nơi con người chúng ta. Chúng ta phải xét lại thật kỹ con người mình là khổ hay là vui. Nếu là khổ phải cố gắng tu cho hết khổ, nếu là vui thì tu làm chi cho thừa! Biết đúng như thật rồi, chúng ta mới nói đến chuyện tu hành, nếu không biết đúng như thật thì không nên nói đến chuyện tu! Vì sao? Vì thân này là cội gốc, nếu không biết rõ nó mà biết những việc khác cũng chỉ là việc bên ngoài thôi. Vì thế chúng ta phải xác nhận thật rõ thân này là khổ hay là vui?

Trong bài thuyết pháp đầu tiên đức Phật bảo: Thân này là khổ. Chúng ta cần xác nhận thân này có khổ thật hay không? Khi nghe đức Phật nói thân này là khổ, chúng ta đều cho rằng đạo Phật là bi quan, chán đời. Nhưng đây là một lẽ thật không thể chối cãi được. Vì thế dùng chữ khổ suông chưa đủ mà phải nói "Khổ đế", tức là cái khổ đúng như thật, chứ không phải chuyện tưởng tượng phi lý.

Đức Phật nêu lên hoặc là tứ khổ, hoặc là bát khổ. Tứ khổ gồm có: sanh, già, bệnh, chết. Chúng ta thường nghĩ sanh là mới lọt lòng mẹ, khóc oa oa là khổ. Nhưng theo chúng tôi nghĩ sanh là sanh hoạt hiện tại của mình trong cuộc sống hằng ngày, đó là khổ hay vui? Còn lúc vừa lọt lòng mẹ dù có khóc đi nữa, mình cũng không có cảm giác đau khổ. Vì vậy ngay khi chúng ta đang sống, là khổ hay vui? Từ thuở bé thơ đến lúc tuổi già, từ hai mươi ba mươi tuổi, đến sáu mươi bảy mươi tuổi, trong khoảng thời gian đó, những điều chúng ta ước muốn được như ý nhiều hay bị mất như ý nhiều? Trong mười điều ước muốn, chúng ta đạt được nhiều lắm là ba điều như ý, còn lại là bất như ý. Như ý gọi là vui, bất như ý gọi là khổ. Như vậy vui ít, khổ nhiều. Trong cuộc sống của chúng ta, những điều bất như ý xảy ra quá nhiều, tức là đau khổ quá nhiều.

Tuổi già có khổ không? Khi tuổi còn trẻ, da dẻ hồng hào, sức khỏe đầy đủ muốn làm điều gì, muốn đi nơi nào đều được như ý. Đến lúc già nua, sức khỏe suy mòn, đi đứng run rẩy, nói năng lập cập, răng long má cộp, còn gì là sung sướng như tuổi thanh xuân. Tuổi già chẳng khổ là gì?

Đến cái khổ thứ ba là bệnh. Bệnh thì làm sao vui được! Cái khổ thứ tư là chết. Như vậy sanh, già, bệnh, chết là bốn cái khổ không ai chối cãi được. Bốn cái khổ đó do từ đâu mà ra? Đó là do cái thân vô thường của chúng ta, thân chúng ta luôn luôn đổi thay ở nguyên một vị trí, nó bị chuyển biến cho nên có sanh, có già, có bệnh, có chết, vì thế mà chúng ta đau khổ. Thử kiểm lại xem trên thế gian này có ai thoát khỏi bốn cái khổ đó không? Chắc hẳn là không, vì đó là phần chung của mỗi người chúng ta. Cho nên Phật nói khổ đế tức là cái khổ là một lẽ thật.

Đi xa hơn nữa, Phật nói đến tám cái khổ. Ngoài bốn cái khổ sanh, già, bệnh, chết nơi bản thân mình, Phật nói thêm bốn cái khổ là: ái biệt ly khổ: người mình thương yêu mà phải xa lìa nên đau khổ; oán tắng hội khổ: người mình không ưa mà phải gặp mặt nên khổ; cầu bất đắc khổ: những gì mình thích và mong cầu mà không được như ý nên khổ. Đó là ba cái khổ liên hệ mình với người và sự vật chung quanh. Đến cái khổ cuối là ngũ ấm xí thành khổ, tức là thân ngũ ấm này là gốc của đau khổ, cái khổ này liên hệ chung cả thể xác lẫn tinh thần. Thân ngũ ấm của con người gồm phần vật chất và tinh thần, là một dòng biến chuyển, bởi thân vô thường biến chuyển cho nên đau khổ. Khi biết thân là vô thường chúng ta có say mê nó, tô điểm nó cho đẹp hơn người không, chúng ta có vun bồi nó để thụ hưởng cho lâu dài không? Như khi chúng ta biết rõ món đồ giả, chỉ dùng đôi ba năm thì hư bẽ, thử hỏi làm sao giữ gìn nó được một trăm năm. Cho nên khi biết món vật chỉ dùng được đôi ba năm, chúng ta phải tận dụng nó cho hữu ích, chớ không cố giữ nó làm gì. Thân chúng ta cũng như vậy, tạm bợ, vô thường và đau khổ, nếu chúng ta không sử dụng nó cho hữu ích, lợi mình, lợi người, thì uổng phí một cuộc đời. Biết thân là tạm bợ chúng ta phát tâm làm lợi ích chúng sanh. Nếu thấy thân mình là lâu bền, tốt đẹp và quý báu thì chúng ta sanh tâm kiêu căng ngã mạn; thấy thân mình là lâu bền chúng ta lo tích lũy dành dụm, rồi thấy mình hơn người nên sanh tâm khinh rẻ kẻ khác. Do đó vừa thấy thân lâu dài quý báu, thì bao nhiêu tật xấu theo đó mà sanh.

Hiện tại trong các Phật tử chúng ta, ai là người thấy thân mình là vô thường, đau khổ? Hay chúng ta thấy nó chân thật lâu dài? Chúng ta không dám xác nhận mạnh mẽ thân này là vô thường, cứ nghĩ rằng mình sẽ sống đến tám mươi chín mươi tuổi. Già như những vị bảy mươi tuổi cũng nghĩ mình sẽ sống đến chín mươi tuổi, chớ không bao giờ nghĩ mình có thể chết một vài năm gần đây! Đó là lẽ thật mà chúng ta không gan dạ nhìn thẳng, cứ tưởng tượng đời sống mình còn lâu dài, nên việc tu cũng yếu, việc làm lợi ích chúng sanh cũng nhẹ. Đó là một khuyết điểm của người Phật tử chúng ta.

Biết rõ thân này là đau khổ, bởi nó là vô thường, chúng ta phải cố làm sao cho mình hết khổ, cho người hết khổ. Chúng ta phải tìm nguyên nhân cái đau khổ của thân, đức Phật chỉ cho chúng ta thấy rõ điều này trong đế thứ hai: đó là Tập đế. Nguyên nhân của thân đau khổ là ba thứ độc tham, sân, si, hay nói nhiều hơn là sáu thứ căn bản phiền não: tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến.

Sở dĩ chúng ta khổ trong cuộc sanh sống vì có những điều bất như ý. Chúng ta muốn mà không được nên bất như ý, muốn thuộc về tham. Bởi có tham nên mới có bất như ý, nếu không tham làm gì có bất như ý, phải không? Có những cái tham vượt

quá khả năng mình, ví dụ khả năng mình có năm hay bảy, mà mình tham đến một ngàn, như vậy là tham muốn quá sức, nên bất như ý quá nhiều thì đau khổ cũng quá lắm. Như vậy gốc của đau khổ là lòng tham quá sức. Khi muốn cái này được rồi, lại muốn đến cái thứ hai, khi được rồi lại muốn đến cái thứ ba... Lòng tham cứ tăng thêm mãi không có chỗ dừng, cho nên con người không bao giờ được như ý. Lòng tham vô chừng nên ở địa vị nào, ở hoàn cảnh nào, con người cũng bất như ý. Khả năng mình hữu hạn mà lòng tham vô hạn, làm sao không đau khổ.

Khi chúng ta đến tuổi già, chúng ta khổ, vì sao? Vì chúng ta muốn trẻ mãi. Khi tuổi già đến tức là bất như ý rồi. Nếu chúng ta đừng tham trẻ, khi già đến chúng ta cứ cười với cái già, thì có khổ gì đâu! Cái chết cũng như vậy. Vì mình muốn sống nên khi cái chết đến mình khổ. Sinh, già, bệnh, chết đều khổ, gốc từ lòng tham mà ra, nếu hết tham thì bốn cái khổ đâu còn.

Do sân nên khổ, điều này dễ hiểu. Do si nên khổ, cũng dễ hiểu. Si là không thấy đúng như thật, vì không thấy đúng như thật nên mới tham. Thấy đúng lẽ thật rồi, khả năng mình bao nhiêu, thấy rõ bấy nhiêu, không sai lầm, không tham quá sức mình thì đâu có khổ. Vì tham quá sức nên bất như ý, nên mới khổ. Vì vậy tham, sân, si là nguyên nhân của đau khổ, rõ ràng như vậy.

Khi biết rõ nguồn gốc của đau khổ là tham, sân, si, hay chung tất cả là sáu thứ căn bản phiền não. Muốn hết đau khổ, phải làm sao? Đến đây đức Phật nói đế thứ ba là Diệt đế. Như một ông thầy thuốc thấy bệnh nhân đang bị bệnh hoành hành, ông thầy muốn trị bệnh, trước hết phải làm sao? Tức phải tìm nguyên nhân bệnh, rồi sau đó mới trị, nguyên nhân bệnh hết rồi, quả tự nhiên đâu còn. Vì thế diệt đế là diệt hết nguyên nhân tạo thành quả đau khổ, nguyên nhân diệt sạch rồi, quả đau khổ hết, hết khổ gọi là vui, phải vậy không?

Chủ yếu đạo Phật là dạy chúng ta thấy được quả đau khổ, rồi tìm nguyên nhân gây đau khổ, và tiêu diệt nguyên nhân đó, tức nhiên quả đau khổ hết. Cũng như khi biết bệnh do một loại vi trùng phá hoại hoành hành, biết được vi trùng đó rồi, dùng thuốc trị, vi trùng chết hết, bệnh sẽ được lành. Cũng như thế, diệt là diệt sạch nguyên nhân đau khổ, thì quả đau khổ đâu còn, đó là tinh thần diệt đế.

Muốn diệt sạch nguyên nhân đau khổ, tức phải dùng những phương pháp, đến đây đức Phật dạy đế thứ tư là Đạo đế. Đạo đế là những phương pháp hay những phương thuốc tiêu diệt hết nguyên nhân đau khổ. Trong các kinh A-hàm, đạo đế gồm ba mươi bảy phẩm trợ đạo, nhưng căn bản là Bát thánh đạo.

Chúng ta thấy rõ đức Phật nói khổ để chỉ lẽ thật ngay nơi bản thân chúng ta. Khi nhận thức thấu đáo được lẽ thật rồi, chúng ta phăng lần đến nguyên nhân của đau khổ, rồi tìm cách tiêu diệt cho sạch các nguyên nhân đó, thì quả đau khổ đâu còn. Muốn tiêu diệt các nguyên nhân đau khổ phải dùng những phương pháp, đó là Đạo để.

Như vậy pháp Tứ đế nhắm thẳng vào con người chúng ta từ quả đến nhân, từ khổ đến hết khổ, chớ không có nghĩa khổ rồi cam chịu khổ. Người đời mang thân khổ mà không biết khổ, không biết khổ thì nói gì để diệt khổ! Vì vậy khi mang thân khổ mà tưởng là vui, rồi tự hào hãnh diện... Khi mang thân khổ mà họ không hay không biết, chúng ta thử nghĩ đáng giận hay đáng thương? Như một người bị bệnh hủ nặng không còn sống bao lâu nữa, nhiều lắm là sáu tháng hay một năm mà họ cứ giận người này, ghét người kia, hung dữ, tham lam, tật đố, như vậy đáng thương hay đáng giận? Mang cái thân đau khổ, mỏng manh mà không tự biết, thật là đáng thương chớ không nên đáng ghét.

Chúng ta tu Phật bắt đầu bằng chữ khổ, mà kết thúc bằng chữ lạc. Cho nên biết khổ, rồi tiêu diệt nguyên nhân khổ để mà vui, chớ đâu phải biết khổ để rồi chịu khổ. Như vậy pháp Phật là pháp khổ hay pháp vui? Pháp Phật dạy rất lạc quan, vì Phật chỉ cho chúng ta thấy quả đau khổ rồi tìm cách tiêu diệt nguyên nhân đau khổ, hết đau khổ tức là an vui. Rõ ràng mở màn bằng khổ mà kết thúc lại là vui. Còn ở thế gian mở màn bằng vui mà kết thúc bằng khổ. Thí dụ một người chưa biết uống rượu, gặp bạn bè nài nỉ uống rượu, lúc ấy là vui lắm phải không? Nhưng đến khi uống say rồi ngã bờ ngã bụi lúc ấy khổ hay vui? Mở màn là vui mà kết quả là khổ, đó là điều lầm lẫn của con người thế gian.

Đức Phật chỉ thẳng đau khổ là căn bản để rồi tìm cách tiêu diệt nó để đưa đến an vui. Nhưng an vui trong đạo Phật như thế nào? Cái vui đó ra làm sao? Ví dụ khi chúng ta bị đói bụng quá sức, đó là khổ hay vui? Bao tử xót xa bào bọt, đó là khổ, phải không? Nhưng khi chúng ta ăn vào độ hai ba chén cơm, vừa đủ no thôi, lúc bấy giờ cơn đói bụng hết thì cái khổ khi đói bụng cũng hết, nên nói ăn no thì vui, là vui làm sao? Tức là cái khổ của cơn đói bụng khi trước không còn. Hết khổ nên nói được vui là như vậy. Cái vui ở đây, không phải là cái vui của tiệc trà mâm rượu, mà là cái vui an ổn, an nhiên tự tại. Thân mình khi đói đi không nổi, đứng không yên, khi ăn được vài chén cơm thân thể khỏe mạnh trở lại muốn đi đâu, muốn làm việc gì cũng được nên gọi là vui, cái vui này không hiện ra bên ngoài nhộn nhịp như là người lớn hay vỗ tay.

Còn mang thân này chưa chấp tham sân si, chúng ta còn đau khổ. Nếu tiêu diệt hết tham sân si, tuy còn thân này mà lúc đó chúng ta không còn đau

khổ. Còn thân là còn già còn chết, nhưng tham sân si, nguyên nhân của đau khổ, đã diệt sạch rồi, lúc đó còn đau khổ hay không? Chúng ta phải xác nhận điều này cho thật rõ, vì nghe nói thân này là khổ, còn mang thân là còn khổ. Như vậy những vị A-la-hán khi chúng quả rồi, tham sân si đã sạch hết, khi ấy các ngài cũng còn thân mà các ngài có khổ như chúng ta không? Khi các ngài già, các ngài chết các ngài có rên rỉ, có buồn thảm hay không? Như thế để thấy rằng tuy còn thân mà hết nhân tham sân si rồi cũng hết đau khổ. Vì thế các vị A-la-hán khi gần tịch các ngài vui vẻ tịch chớ không sợ sệt như chúng ta. Chúng ta thấy rõ rằng nhân đau khổ không còn, dù còn thân này, quả đau khổ cũng đã giảm bớt đi rồi. Hiểu như vậy, chúng ta mới thấy hiệu nghiệm của sự tu hành. Nhiều người không hiểu nói rằng diệt để là diệt sạch nguyên nhân đau khổ rồi chết mới được Niết-bàn, mới hết khổ. Nếu chết rồi ai biết mình được Niết-bàn, ai biết mình hết khổ? Đó là chuyện hứa hẹn xa xôi thiếu thực tế. Như đức Phật sau khi thành đạo Ngài mới ba mươi mốt tuổi cho đến tám mươi tuổi, trong khoảng thời gian bốn mươi chín năm, Ngài cũng già, cũng bệnh, cũng chết, mà Ngài có khổ như chúng ta không? Thế mới thấy diệt hết nguyên nhân đau khổ rồi, tuy còn thân này mà vẫn không có khổ. Đó là cái đặc biệt, là bằng chứng cụ thể của sự tu, không phải nói đợi đến chết nhập Niết-bàn mới hết khổ. Các vị Bồ-tát, các vị A-la-hán cũng mang thân như chúng ta mà các ngài không khổ là như vậy. Chúng ta cũng thế, ngay trong thân này mà diệt hết nguyên nhân đau khổ rồi cũng hết khổ.

Chúng ta tu cốt để diệt khổ, khổ diệt sạch rồi tức là an vui. Chúng ta an vui nên muốn đem cái an vui lại cho mọi người, đó là tự lợi, lợi tha, và đó cũng là lòng từ bi. Chúng ta tu được hết khổ, thấy người khác còn đau khổ, chúng ta phải thương họ, tình thương đó là lòng từ bi. Có giác ngộ liền có từ bi là như vậy. Nếu không giác ngộ, lòng từ cũng chỉ gượng thôi chớ không có thật, vì sao? Vì không giác ngộ thì còn mê lầm, tức còn đau khổ, nếu có thương người cũng chỉ thương gượng mà thôi, vì mình có hết khổ đâu mà lo cho người hết khổ. Thí dụ như chúng ta dư giả có nhiều của cải, tự mình không đói thiếu. Khi thấy người đói thiếu mình tìm cách giúp họ dễ dàng. Nếu mình đang đói thiếu như họ, mình có nói tôi thương anh quá, tôi thương chị quá, đó cũng là lời nói suông thôi, chớ mình cũng không giúp họ một cách thiết thực được. Vì thế, có giác ngộ mới có từ bi, đó là lòng từ bi chân thật. Do hưởng được sự an vui, mình mới đem cái an vui đó đến cho người.

Người tu chúng ta hiện tại chưa làm được nhiều lợi ích cho người, nhưng ráng nỗ lực tu, dẹp sạch tham sân si. Khi được an ổn rồi, muốn làm lợi ích cho người rất là thuận lợi. Nếu chưa hết tham sân si mà muốn làm lợi ích cho người, đôi khi cũng gặp trở ngại. Thí dụ bình thường chúng ta tỉnh táo

sáng suốt, thấy huynh đệ có nhiều phiền não, chúng ta khuyên nhủ. Nhưng đến khi chúng ta gặp việc bối rối, sự sáng suốt cũng mất đi, nên lời nói việc làm không còn sáng suốt nữa. Vì vậy người mà chúng ta khuyên dạy khi trước mất lòng tin nơi chúng ta, nên sự lợi tha không được trọn vẹn. Khi tỉnh nói đúng, lúc mê lời nói không còn đúng nữa, nên làm mất lòng tin nơi người. Nếu được tỉnh mãi mãi, chắc không bao giờ làm mất lòng tin của người. Thế nên, được tỉnh giác trọn vẹn, việc lợi tha mới được trọn vẹn. Nếu sự tỉnh giác chưa trọn vẹn, dù có lợi tha, cũng chỉ một phần nào thôi, khó mà trọn vẹn được.

Nói tóm lại, khi biết rõ bản chất thân chúng ta là vô thường, là đau khổ, chúng ta cố gắng tiêu diệt cái đau khổ. Đau khổ hết sạch rồi, chúng ta được an vui. Đó là tinh thần pháp Tứ đế trong các bộ kinh A-hàm.

Nói xa hơn chút nữa, ngay nơi thân vô thường đau khổ này, các Bồ-tát nhìn thấy nó như thế nào? Nó cũng vô thường, cũng đau khổ, nhưng ngay nơi thân vô thường đau khổ, các ngài nhận được cái không vô thường, không đau khổ. Qua cái nhìn của Tứ đế, nhìn nơi thân nơi tướng, nên thấy thân này là vô thường, là đau khổ từ nguyên nhân tham sân si mà ra. Dẹp sạch tham sân si thì đau khổ cũng hết. Qua tinh thần Đại thừa, hay qua cái nhìn của các Thiền sư, chúng ta lại thấy khác. Các ngài thấy rõ thân này là vô thường đau khổ. Nhưng trong cái vô thường đau khổ đó, bươi sâu vào lại có một cái không vô thường, không đau khổ, đó là cái gì? Đến đây là bước qua giai đoạn thứ hai.

Cái không vô thường, không đau khổ, là cái gì? Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật nói chuyện với vua Ba-tư-nặc. Nhà vua nói: Thân của ông lúc mười tuổi trẻ hơn lúc hai mươi tuổi, lúc hai mươi tuổi trẻ hơn lúc ba mươi tuổi, cho đến năm nay già hơn năm ngoái, tháng này già hơn tháng trước v.v... cho đến mỗi ngày mỗi phút mỗi giây nó đã đổi thay, nó già từng phút từng giây. Đức Phật bảo: Trong cái sanh diệt vô thường, hay trong cái già chết đổi thay đó, có một cái chưa từng già chết, ông có biết không? Nhà vua thưa không biết. Đức Phật mới chỉ cho Vua cái không già không chết ở ngay trong cái thân già chết. Cái không già không chết đó, đức Phật chỉ từ cái thấy, từ cái nghe.

Cũng trong kinh Lăng Nghiêm, đến đoạn đức Phật đưa tay lên xòe nắm, xòe nắm rồi hỏi ngài A-nan: Ông có thấy không? Ngài A-nan thưa: Dạ thấy. Hỏi: Thấy cái gì? Thưa: Thấy tay Phật xòe nắm. Hỏi: Tay ta xòe nắm, còn cái thấy của ông có xòe nắm không? Ngài A-nan thưa: Cái tay Phật có xòe nắm, chứ cái thấy của con không có xòe nắm. Xòe nắm tức là động, động là vô thường, là sanh diệt. Còn cái thấy không xòe nắm, không xòe nắm tức là không động, không động là không vô thường,

không sanh diệt. Như vậy chúng ta thấy rằng ngay trong cái thân vô thường sanh diệt này có cái không phải vô thường, không phải sanh diệt.

Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác nhận thấy ngay trong thân sanh diệt vô thường cái Pháp thân chưa từng vô thường sanh diệt, cho nên mở đầu bài Chứng Đạo Ca Ngài có nói mấy câu:

“Pháp thân giác liễu vô nhất vật

Bản nguyên tự tánh thiên chân Phật

Ngũ uẩn phù vân không khứ lai,

Tam độc thủy bào hư xuất một.”

Pháp thân giác liễu vô nhất vật là ngay trong thân tứ đại ngũ uẩn này giác ngộ được cái Pháp thân. Pháp thân đó không có một vật, cũng gọi là Bản nguyên, là Tự tánh, là Phật thiên chân. Khi giác ngộ được pháp thân rồi, nhìn lại ngũ uẩn này, thấy như thế nào? Ngũ uẩn phù vân không khứ lai, nghĩa là thân ngũ uẩn này chẳng khác nào như mây nổi bay qua lại trong bầu trời, khi tụ khi tán, lúc có lúc không, có nghĩa lý gì đâu! Tam độc thủy bào hư xuất một. Tam độc là tham sân si, chẳng khác nào như bọt nước chọt nổi chọt tan, chỉ còn trong khoảnh khắc, đâu có lâu bền.

Ngộ được pháp thân rồi, thấy thân ngũ uẩn như mây nổi, tham sân si như bong bóng nước, chúng ta tuy còn thân này nhưng có thấy khổ hay không? Hàng Nhị thừa thấy thân này là khổ, nguyên nhân của khổ là tham sân si. Đến Đại thừa nhất là Thiền tông, ngay nơi thân đau khổ sanh diệt vô thường, thấy được pháp thân chưa từng vô thường sanh diệt. Đứng từ pháp thân nhìn lại thân vô thường sanh diệt chẳng khác nào như đám mây nổi, ba độc tham sân si như bong bóng nước. Như vậy quả và nhân của thân này đều là tạm bợ giả dối, không có nghĩa lý gì. Đối với thân này còn buồn khổ hay không, còn rên rỉ trước sự mất còn của nó hay không? Nhận được pháp thân chân thật rồi, thân vô thường đau khổ này không còn gì là quan trọng.

Bồ-tát không sợ tam độc, cũng không quý tiếc thân này, vì sao? Vì các ngài đã giác ngộ, thấy được pháp thân ở trong thân sanh diệt. Giác ngộ tức là hết si mê, biết thân như mây nổi nên không còn tham lam, hết tham lam nên sân hận cũng không còn. Các hàng Bồ-tát không còn sợ thân này đau khổ, cũng không còn sợ nguyên nhân làm cho thân này đau khổ, cho nên các ngài luôn luôn vui vẻ.

Các vị chưa chứng Bồ-tát, còn tu theo hạnh A-la-hán, thấy thân này là đau khổ, sanh tử là đau khổ, thấy tham sân si là nguyên nhân gây đau khổ, cho nên nếu chưa dẹp sạch ba độc, các ngài không

bao giờ vui được. Các ngài tu hành khổ hạnh, luôn luôn cố gắng để tiêu diệt tham sân si. Còn các Bồ-tát nhận được cái chân thật ngay trong thân này nên các ngài hằng tỉnh hằng an.

Một vị Cổ đức có bài tụng ngắn sau đây:

“Chư Phật tại tâm đầu
 Người mê chạy ngoài cầu
 Trong ôm báu vô giá
 Chẳng biết một đời thôi.”

Phật tại tâm đầu. Phật ở đâu? Tức ở ngay nơi đầu tâm của mình. Vì sao không nói ở đuôi tâm mà nói ở đầu tâm? Dấy niệm là động, trước khi dấy niệm là tịnh. Dấy niệm là tâm. Khi chưa dấy niệm, Phật ở ngay đó rồi, nên nói chư Phật ở đầu tâm là như vậy. Vừa dấy niệm là thành chúng sanh, vừa dấy niệm Phật thành ở đuôi. Niệm lặn xuống Phật hiện trở lại. Chúng ta thường chấp rằng khi niệm dấy lên, niệm đó là tâm.

Thật ra Phật ở đầu niệm tức là trước khi niệm sanh đã có Phật rồi. Người mê chạy ngoài cầu. Người mê chạy tìm Phật ở núi này, non kia, ở Tà Lơn, Ông Cấm, không bao giờ thấy Phật ngay nơi tâm mình. Trong ôm báu vô giá tức là trong lòng đã ôm sẵn một hòn châu báu vô giá. Chẳng biết một đời thôi, trong tâm ôm sẵn hòn ngọc báu vô giá mà không biết để một đời trôi qua, uổng phí một đời.

Qua bốn câu tụng đơn giản của Thiền sư, chúng ta thấy rõ ràng Phật không ở đâu xa, chỉ ngay nơi đầu tâm; mình không biết nên chạy nơi này nơi kia, trèo non lội suối để tìm Phật, mà nào có gặp Phật đâu. Đã có sẵn hòn ngọc báu vô giá ở trong lòng mà không hay biết để trôi qua một đời, thật đáng tiếc đáng thương!

Người tu Phật dù tu theo hạnh Thanh văn hay hạnh Bồ-tát, mục đích là đạt được sự an vui. Hàng Thanh văn thấy thân là khổ, tìm nguyên nhân của khổ để tiêu diệt, khổ diệt sạch hết là được an vui. Còn các Bồ-tát thấy rõ trong thân đau khổ có cái chân thường an lạc, các ngài sống trở về với cái chân thường an lạc đó, cũng được an vui. Các hàng Thanh văn và Bồ-tát ở hai quan điểm khác nhau, nảy sanh lòng từ bi, chỉ dạy cũng khác nhau. Các vị Thanh văn thấy thân là đau khổ, diệt hết khổ được an vui. Nhìn lại chúng sanh mang thân đau khổ mà không tự biết, lại say sưa trong đó, các ngài khởi lòng từ bi chỉ dạy cho con người diệt nguyên nhân đau khổ để được an vui. Còn các Bồ-tát thì khác, thấy ngay nơi thân vô thường đau khổ, có cái chân thường an lạc. Các ngài không dạy mình dẹp tham sân si, mà dạy mình phải giác ngộ, thấy được

cái chân thật ngay trong cái hư dối. Giác ngộ là phá được si, nên tham không còn, mà sân cũng hết. Các ngài không dạy pháp tu, mà bảo chúng ta phải nhận được cái chân thường an lạc, Thiền tông gọi đây là Kiến tánh khởi tu. Nhận được cái chân thật rồi, chúng ta từ từ mà bỏ những sai lầm.

Hàng Đại thừa chỉ thẳng cho chúng ta thấy trong thân vô thường có cái chân thường. Vì thế biết bao nhiêu kinh điển Đại thừa đều nhắm vào điểm này. Trong kinh Pháp Hoa, Phật nói chỉ có một Phật thừa, và chỉ thẳng cho chúng ta Tri kiến Phật. Kinh Lăng Nghiêm cốt chỉ Chân tâm, kinh Viên Giác chỉ thẳng tánh Viên giác.

Thiền tông cũng vậy, bảo chúng ta phải kiến tánh, nghĩa là nhận ra bản tánh, rồi sau đó khởi tu, đó là điều căn bản. Chúng ta phải thấy ngay nơi thân tạm bợ hư dối có cái chân thật. Đừng lầm thân giả dối cho là chân thật. Nếu mê lầm cho thân giả dối là chân thật, thì mọi điều mê làm khác sẽ theo đó mà sanh ra không thể kể hết. Nhận được cái chân thật rồi, biết thân là giả dối như mây nổi thì bao nhiêu vấn đề đều được giải quyết. Cho nên nói Đại thừa là đốn ngộ.

Lòng từ bi của Đại thừa là chỉ cho chúng ta nhận được cái chân thật nơi mình. Nhận được cái chân thật rồi, thì thân này không còn quan trọng, cho nên hết đau khổ. Trong kinh Pháp Hoa, có ví dụ người nghèo đi lang thang say sưa, được bạn cho một hòn ngọc báu cột trong chéo áo, bảo nhớ lấy ra mà tiêu dùng. Lòng từ bi là chỉ thẳng cho chúng ta thấy hòn ngọc báu vô giá. Thế nên cả đời Bồ-tát Thường Bất Khinh chỉ làm một việc là nói: “Tôi không dám khinh các ngài, các ngài đều sẽ thành Phật.” Ngài cốt chỉ cho mọi người nhận được hòn ngọc báu. Chư Bồ-tát đều nhắm thẳng chỉ cho chúng ta nhận ra hòn ngọc báu đó, sự tu hành theo đó được dễ dàng, và kết quả đúng như sở nguyện.

Không riêng gì hàng Bồ-tát Đại thừa mới có từ bi, mà hàng Nhị thừa cũng có từ bi. Nhưng hai bên có cái nhìn khác nhau nên mới chia thành Tiểu thừa Đại thừa. Dù sao mục tiêu chánh yếu cũng không hai, thấy rõ thân này là khổ, giải hết được đau khổ, đưa đến an vui.

Chủ yếu của đạo Phật dù Tiểu thừa hay Đại thừa cũng là đem lại nguồn vui cho chúng sanh, chớ không có chán nản. Đem lại nguồn vui tức là nguồn an ổn, phần khởi, vui tươi. Người tu lâu có hiệu lực thì không buồn mà vui. Nếu tu lỗi thôi, nghĩ đến cái được cái mất thì còn vui buồn. Thật tình tu có đạo lực thì được an ổn, ít có buồn vui.

Tất cả chúng ta từ Tăng Ni đến Phật tử nam nữ phải nỗ lực tu làm sao mỗi ngày mỗi bớt khổ mới gọi là thật tu. Nếu tu mà càng ngày càng chông chất thêm đau khổ, đó chưa phải là biết tu.

Tu có nghĩa là giải khổ, chứ không phải tu để thêm khổ. Giải khổ gọi là biết tu, chưa giải khổ được chút nào đó là chưa biết tu. Dù ở chùa dù học đạo nhiều năm mà chưa bớt khổ, cũng chưa phải là biết tu, đó là điều chúng tôi xác nhận rõ ràng như vậy.

Chúng ta học đạo cốt làm sao cho hết khổ. Với tinh thần Thiền tông, muốn hết khổ là phải nhận ra hòn ngọc báu của mình hay là nhận được Pháp thân. Chúng tôi nhắc lại câu chuyện của ngài Cảnh Thanh. Ngài trong am với chú thị giả, Ngài nghe ở bên ngoài có con rắn bắt con nhái, con nhái kêu ẹo ẹo. Ngài hỏi chú thị giả: “Tiếng gì ở ngoài?” Chú thị giả thưa: “Tiếng rắn bắt nhái, nhái kêu.” Ngài nói: “Chúng sanh khổ, lại có khổ chúng sanh.” Ý nghĩa làm sao? Cái nào là chúng sanh khổ, cái nào là khổ chúng sanh? Con nhái bị con rắn bắt, đó là chúng sanh khổ. Còn khổ chúng sanh là ai? Là chú thị giả hay là ai? Hay là người quên mình theo vật? Ai quên mình theo vật thì người đó khổ, đó là khổ chúng sanh. Ngay nơi mình có hòn ngọc báu mà lúc nào chúng ta cũng quên nó, mãi chạy theo âm thanh sắc tướng bên ngoài, cho nên bị vô thường chi phối, do đó chúng ta khổ. Khi nghe tiếng chỉ biết tiếng mà không nhớ mình, khi thấy cảnh chỉ biết cảnh mà không nhớ mình. Vì vậy cảnh khổ gọi là chúng sanh khổ, quên mình đó là khổ chúng sanh. Khi ngài Cảnh Thanh hỏi, muốn không bị Ngài nói là khổ chúng sanh, chúng ta phải đáp thế nào để thế cho chú thị giả? Nếu có mặt nơi đó, chúng tôi sẽ nói thế:

Quan Âm diệu trí lục

Năng cứu chúng sanh khổ.

Để kết luận buổi nói chuyện hôm nay, chúng tôi dẫn một bài kệ bằng chữ Hán của Thiền sư Chân Nguyên vào đời Lê ở Việt Nam:

Nhất tánh viên minh cá cá đồng

Bao la thiên địa tổng hư không

Ngã kim trực chỉ Tây lai ý

Tâm tịch linh tri thị chánh tông.

Nhất tánh viên minh cá cá đồng: một tánh tròn sáng mỗi người ai cũng đồng có sẵn như vậy. Bao la thiên địa tổng hư không: tánh tròn sáng ấy bao trùm cả trời đất và hư không. Nếu thấy được tánh bao la ấy thì thân này thật là bèo bọt không đáng kể. Ngã kim trực chỉ Tây lai ý: nay tôi nhắm thẳng ý Tây lai, tức là ý của Tổ sư từ Ấn Độ sang. Tâm tịch linh tri thị chánh tông: câu kết thúc này thật là quá hay. Tâm tịch, chữ tâm là tâm đầu như đoạn trước tôi đã nói. Khi những tâm vọng tưởng phân biệt lặng xuống rồi, còn cái linh tri tức là cái

biết sáng suốt không phân biệt, đó là chánh tông mà Bồ-đề-đạt-ma đem sang.

Bản dịch:

Một tánh sáng tròn mỗi mỗi đồng,

Bao trùm trời đất cả hư không,

Nay ta nhắm thẳng Tây lai ý,

Lòng vắng biết thiêng ấy chánh tông.

Chúng ta tu thiền thấy ý Tổ sư từ Ấn Độ sang rõ ràng bằng một câu kết thúc: Lòng vắng biết thiêng ấy chánh tông.

Quý vị ráng ứng dụng như vậy thì một đời tu của chúng ta không uổng phí.

NAM-MÔ BỒN SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT.

